TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH NĂM 2019_ĐỢT 1

TT	PT	SBD	HỌ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
1	1	3	BÙI ĐOÀN HIẾU ANH	17/02/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,2	
2	1	5	CHU HOÀNG ANH	30/09/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,2	
3	1	20	MOONG NGUYỄN THÁI ANH	27/07/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,5	
4	1	22	NGUYỄN ĐỨC ANH	30/05/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,2	
5	1	9	ĐỖ TUẤN ANH	02/09/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,5	
6	1	26	NGUYỄN KIM ANH	30/12/1996	Nữ	Huấn luyện thể thao	25	Cấp 1
7	1	13	DƯƠNG THỊ DIỆU ANH	16/11/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	23,2	
8	2	56	NGUYỄN THÀNH BẮC	19/04/2001	Nam	Quản lý TDTT	22,8	
9	2	41	TÔ ĐỨC ANH	24/02/1996	Nam	Huấn luyện thể thao	23	Cấp 1
10	2	57	GIÁP HOÀNG BÁCH	09/02/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,7	Cấp 1
11	2	61	VÀNG VĂN BẢO	27/05/2000	Nam	Quản lý TDTT	24,3	Cấp 1
12	2	66	HOÀNG PHƯƠNG CHI	20/07/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	26,8	Kiện tướng
13	2	75	NGUYỄN THỊ CHINH	20/10/1994	Nữ	Huấn luyện thể thao	26,3	Kiện tướng
14	2	63	NGUYỄN NGỌC BÍCH	09/04/2001	Nữ	Quản lý TDTT	23,05	
15	3	98	VŨ HỒNG ĐĂNG	28/05/2000	Nam	Huấn luyện thể thao	23,7	
16	3	100	VŨ QUANG ĐẠO	15/12/2001	Nam	Giáo dục thể chất	22,3	
17	3	101	BÙI QUỐC ĐẠT	01/04/2001	Nam	Giáo dục thể chất	22,5	
18	3	106	NGUYỄN DUY ĐẠT	08/09/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,5	
19	3	107	NGUYỄN HỮU ĐẠT	14/06/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,7	
20	3	115	VŨ THÀNH ĐẠT	06/12/2000	Nam	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	22,5	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
21	3	118	TRẦN QUẢNG DIỄM	16/10/1982	Nam	Y sinh học TDTT	22,3	
22	3	85	NGUYỄN DUY CƯƠNG	19/08/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,7	
23	3	108	NGUYỄN HỮU ĐẠT	28/03/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,9	
24	3	87	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	18/10/1995	Nam	Huấn luyện thể thao	26,1	Kiện tướng
25	3	104	ĐINH TUẤN ĐẠT	06/03/2000	Nam	Giáo dục thể chất	23,2	Cấp 1
26	3	88	PHẠM MẠNH CƯỜNG	16/03/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	26,3	
27	4	129	NGUYỄN HỮU DUẨN	16/02/2000	Nam	Giáo dục thể chất	23,5	

TT	PT	SBD	HỌ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
28	4	131	LÊ HỮU ĐỨC	01/09/2001	Nam	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	22,3	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
29	4	139	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	04/01/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,5	
30	4	141	TRẦN ĐỨC	20/03/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	23,6	
31	4	135	NGUYỄN ĐÌNH MINH ĐỨC	02/12/1998	Nam	Huấn luyện thể thao	25,1	Cấp 1
32	5	163	PHÙNG BÁ DŨNG	11/04/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,1	
33	5	173	TRẦN THANH DƯỠNG	13/10/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,35	
34	5	183	PHẠM BA DUY	28/07/2001	Nam	Y sinh học TDTT	23,3	
35	5	184	BÙI HỒNG GIANG	02/10/2001	Nữ	Huấn luyện thể thao	24,8	
36	5	188	ĐÀM MẠNH HÀ	23/02/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,3	
37	5	191	NGÔ THẾ HÀ	20/08/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,1	
38	5	195	NGUYỄN THÚY HÀ	29/03/2001	Nữ	Quản lý TDTT	24,4	
39	5	197	TRẦN NGỌC HÀ	09/05/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,6	
40	5	171	PHẠM HÙNG DƯƠNG	08/02/1992	Nam	Huấn luyện thể thao	23,1	Cấp 1
41	6	200	ĐẶNG THỊ HẢI	21/10/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	26,6	
42	6	202	LÊ XUÂN HẢI	13/09/2001	Nam	Giáo dục thể chất	21,9	
43	6	215	NGUYỄN THỊ HẬU	08/03/2001	Nữ	Huấn luyện thể thao	25	
44	6	219	KHỔNG THỊ THANH THANH HIỀN	06/12/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	23,9	
45	6	222	NGUYỄN ĐỨC HIỂN	29/08/2000	Nam	Giáo dục thể chất	21	
46	6	232	ĐINH NGỌC HIẾU	12/07/2001	Nam	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	21,3	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
47	6	233	ĐỖ TRUNG HIẾU	09/02/1999	Nam	Quản lý TDTT	23,6	
48	6	220	LÊ THỤC HIỀN	19/09/2001	Nữ	Huấn luyện thể thao	26	Cấp 1
49	6	223	ĐĂNG HỒNG HIỆP	28/07/1999	Nam	Huấn luyện thể thao	24,6	Cấp 1
50	6	236	LÊ ĐĂNG HIỆU	24/08/1999	Nam	Huấn luyện thể thao	24,7	Cấp 1
51	6	237	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	22/08/2000	Nam	Huấn luyện thể thao	25,1	Cấp 1
52	6	230	QUÁCH HOÀNG HIỆP	04/07/2001	Nam	Giáo dục thể chất	27,6	
53	7	241	NGUYỄN NGỌC HIẾU	11/04/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,2	
54	7	244	NGUYỄN TRUNG HIẾU	15/11/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,4	
55	7	247	NGUYỄN VĂN HIẾU	18/10/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,1	
56	7	252	VŨ TRUNG HIẾU	21/10/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,25	
57	7	262	BÙI ĐÌNH HOÀNG	25/01/2001	Nam	Giáo dục thể chất	21,8	

TT	PT	SBD	HỌ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
58	7	265	LÊ DUY HOÀNG	31/08/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,3	
59	7	268	LƯƠNG DUY HOÀNG	07/09/2001	Nam	Giáo dục thể chất	21,7	
60	7	270	NGUYỄN HẢI HOÀNG	11/05/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,2	Cấp 1
61	7	272	NGUYỄN THÁI HOÀNG	21/11/2001	Nam	Quản lý TDTT	25	
62	7	278	CẤN THỊ HỒNG	23/05/1999	Nữ	Huấn luyện thể thao	26,3	Kiện tướng
63	7	273	NGUYỄN THẾ HOÀNG	16/03/2001	Nam	Giáo dục thể chất	21,4	
64	8	288	LÊ TUẤN HÙNG	02/10/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	22,5	
65	8	300	NGUYỄN ĐỨC HƯỞNG	21/12/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,7	
66	8	302	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	07/12/2001	Nữ	Huấn luyện thể thao	23,5	
67	8	308	ĐOÀN QUỐC HUY	06/02/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,3	
68	8	311	MAI QUANG HUY	03/12/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,4	
69	8	297	VŨ VĂN HƯNG	29/06/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,5	
70	8	305	BÙI QUANG HUY	17/08/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,75	
71	8	314	NGUYỄN ĐÌNH HUY	05/09/1999	Nam	Huấn luyện thể thao	26,4	Kiện tướng
72	8	310	LÊ HOÀNG HUY	26/01/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,9	
73	8	281	ĐINH THẾ HUÂN	16/02/2000	Nam	Huấn luyện thể thao	25,1	
74	9	329	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	11/06/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	23,8	
75	9	331	ĐÀO DUY KHẢI	10/09/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,5	
76	9	332	NGUYỄN KIÊM KHẢI	16/01/2000	Nam	Huấn luyện thể thao	24,1	
77	9	354	PHẠM TRUNG KIÊN	19/07/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,05	
78	9	336	NGUYỄN KHÁNH	22/11/1998	Nam	Huấn luyện thể thao	27,1	Kiện tướng
79	9	345	NGUYỄN MẠNH KHOA	09/03/1999	Nam	Huấn luyện thể thao	26,3	Kiện tướng
80	9	351	NGUYỄN TRUNG KIÊN	17/09/2001	Nam	Giáo dục thể chất	26,2	
81	10	384	HOÀNG DUY LONG	05/09/2001	Nam	Quản lý TDTT	22,8	
82	10	393	NGUYỄN THỊ LỤA	01/02/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	24,8	
83	10	394	NGUYỄN THÀNH LUÂN	28/05/2001	Nam	Giáo dục thể chất	22,6	
84	10	396	TỐNG THÀNH LUÂN	13/05/2001	Nam	Quản lý TDTT	21,3	
85	10	380	NGUYỄN TẤT LỘC	03/08/1999	Nam	Huấn luyện thể thao	26,7	Kiện tướng
86	10	386	NGUYỄN HẢI LONG	07/10/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,4	
87	11	407	NGUYỄN PHƯƠNG LY	11/02/2001	Nữ	Y sinh học TDTT	21,9	
88	11	408	NGUYỄN THỊ LÝ	16/08/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	26,7	
89	11	412	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	24/10/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,9	
90	11	414	TRỊNH ĐỨC MẠNH	15/02/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,1	

TT	PT	SBD	HỌ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
91	11	417	DUY BÌNH MINH	06/08/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,15	
92	11	423	THÂN ĐỖ MƯỜI	25/12/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,8	
93	11	425	NGUYỄN TIẾN NA	26/06/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	26,5	
94	11	428	ĐỖ HOÀI NAM	21/01/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,3	
95	11	437	PHẠM PHƯƠNG NAM	11/08/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	22,9	
96	11	438	PHAN ĐẠI NAM	25/05/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23	
97	11	429	LÊ TRẦN HOÀNG NAM	26/10/1991	Nam	Huấn luyện thể thao	24,2	
98	11	435	NGUYỄN THẾ NAM	27/01/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,2	
99	11	420	TRẦN VĂN MINH	12/10/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	23,4	
100	12	443	BÙI QUANG LÃM	21/07/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	22,2	
101	12	444	NGUYỄN THỊ NGÁT	11/01/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	24,85	
102	12	458	NGÔ THỊ THẢO NGUYÊN	06/03/2001	Nữ	Y sinh học TDTT	25,05	
103	12	460	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	15/08/1986	Nữ	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	21,2	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
104	12	463	MAI THỊ AN NHI	30/05/2001	Nữ	Huấn luyện thể thao	24,6	
105	12	465	LÊ NHẬT NINH	08/08/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,4	
106	12	471	HÀ TRUNG PHONG	17/06/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	22,9	
107	12	472	NGUYỄN HUY PHONG	15/06/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,3	
108	12	473	NGUYỄN LÊ VIỆT PHONG	06/11/2001	Nam	Y sinh học TDTT	23	
109	12	457	TRẦN ÚT NGỌC	19/07/1994	Nam	Huấn luyện thể thao	23,2	Cấp 1
110	12	453	NGUYỄN BÍCH NGỌC	09/04/2001	Nữ	Quản lý TDTT	22	
111	13	483	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	02/09/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	18,8	
112	13	492	PHAN ANH QUÂN	10/07/2001	Nam	Y sinh học TDTT	22,2	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
113	13	519	NGUYỄN BẮC SƠN	18/10/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,1	
114	13	501	CHU VĂN QUYỀN	08/01/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,35	
115	13	488	NGUYỄN HỒNG QUÂN	05/07/1998	Nam	Huấn luyện thể thao	26,4	Kiện tướng
116	13	499	NGUYỄN THỊ QUÍ	12/09/1997	Nữ	Huấn luyện thể thao	24,8	Cấp 1
117	14	528	NGUYỄN THẠC SỸ	14/11/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,6	
118	14	529	VŨ NGỌC SỸ	16/03/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,6	
119	14	554	NGUYỄN THỊ THẮM	09/12/2001	Nữ	Quản lý TDTT	24	
120	14	555	NGUYỄN THỊ THẮM	25/01/2001	Nữ	Huấn luyện thể thao	25,3	

TT	PT	SBD	HỌ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
121	14	538	NGUYỄN MINH TÂM	17/10/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	26	Cấp 1
122	14	539	POÒNG VĂN TÂM	03/04/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,9	
123	15	563	NÔNG THẾ THẮNG	18/04/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	27,2	
124	15	570	ĐẶNG XUÂN THÀNH	06/08/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,6	
125	15	580	VÌ DUY THÀNH	28/08/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,4	
126	15	581	VÌ VĂN THANH	14/01/2001	Nam	Quản lý TDTT	24,3	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
127	15	589	VŨ ĐÌNH THI	20/10/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	24,75	
128	15	595	VI VĂN THỜI	24/01/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25	
129	15	565	TRẦN ĐÌNH THẮNG	03/09/1999	Nam	Huấn luyện thể thao	25,9	Kiện tướng
130	15	569	NGUYỄN CÔNG THANH	17/11/1999	Nam	Huấn luyện thể thao	24,4	Cấp 1
131	15	583	DƯƠNG HƯƠNG THẢO	09/07/2000	Nữ	Huấn luyện thể thao	26,1	Cấp 1
132	15	584	HOÀNG THỊ THU THẢO	31/07/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	27,9	Kiện tướng
133	15	594	NGUYỄN THỊ THƠ	24/08/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	26,7	Cấp 1
134	16	600	NGUYỄN THỊ THU	04/10/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	22,7	
135	16	606	NGUYỄN BÁ THUẬN	21/01/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,1	
136	16	608	NGÔ ANH THỨC	02/05/2000	Nam	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	22,3	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
137	16	617	BÙI XUÂN TIẾN	24/02/2001	Nam	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	23,9	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
138	16	619	HÀ MẠNH TIẾN	01/02/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,9	
139	16	630	DƯƠNG QUỐC TOẢN	11/02/2001	Nam	Quản lý TDTT	22,9	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
140	16	635	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	13/11/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25	
141	16	615	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	12/02/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	26,4	
142	16	613	KIỀU BÍCH THỦY	11/11/2001	Nữ	Huấn luyện thể thao	25,7	Cấp 1
143	16	629	ĐỖ VĂN TOÀN	03/11/1997	Nam	Huấn luyện thể thao	23,4	Cấp 1
144	17	646	TRẦN MINH TRANG	21/02/1991	Nữ	Huấn luyện thể thao	21,1	
145	17	649	VŨ THỊ THU TRANG	15/01/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	21,9	
146	17	673	TRỊNH VĂN TÚ	15/08/2001	Nam	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	23,3	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT

TT	PT	SBD	HỌ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
147	17	650	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	04/07/2001	Nam	Giáo dục thể chất	22,3	
148	17	662	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	02/05/2000	Nam	Huấn luyện thể thao	22	
149	17	643	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	12/12/1999	Nữ	Giáo dục thể chất	27,1	Kiện tướng
150	17	652	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	10/12/1997	Nữ	Huấn luyện thể thao	28,1	Kiện tướng
151	17	654	ĐÀO VĂN TRỌNG	01/11/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,2	Cấp 1
152	17	671	PHÙNG MẠNH TÚ	06/11/1999	Nam	Huấn luyện thể thao	26,4	Kiện tướng
153	17	672	TRẦN VIỆT TÚ	05/08/1994	Nam	Huấn luyện thể thao	23,6	Cấp 1
154	17	653	NGUYỄN VĂN TRÌNH	12/01/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	25,1	
155	18	693	HÀ PHÚC TÙNG	22/08/2001	Nam	Quản lý TDTT	22,5	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
156	18	700	TRẦN ĐỨC TÙNG	13/11/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,3	
157	18	703	NGUYỄN DUY TUYÊN	21/02/2001	Nam	Giáo dục thể chất	25,4	
158	18	707	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	22/04/1999	Nữ	Giáo dục thể chất	24,4	Cấp 1
159	18	710	BÙI ĐỨC VIỆT	05/05/2000	Nam	Huấn luyện thể thao	25,3	Cấp 1
160	18	685	NGUYỄN VĂN TUẤN	06/03/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,4	
161	19	721	NGUYỄN NGỌC VINH	28/06/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,2	
162	19	723	PHẠM PHÚ VINH	02/07/2000	Nam	Giáo dục thể chất	26	
163	19	724	THÁI BÁ VINH	16/02/2000	Nam	Giáo dục thể chất	21,9	
164	19	734	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	08/02/2001	Nữ	Huấn luyện thể thao	24,5	Cấp 1
165	19	725	TRẦN THẾ VINH	17/09/2001	Nam	Giáo dục thể chất	21,9	
166	19	738	NGUYỄN VĂN CHÍNH	19/09/2001	Nam	Giáo dục thể chất	23,9	
167	19	739	ĐÀO NGỌC VIỆT	15/07/2001	Nam	Huấn luyện thể thao	22,5	
168	19	740	TRẦN QUANG TÂN	04/09/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24,7	
169	19	741	HOÀNG HUYỀN TRANG	09/04/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	22,65	
170	19	742	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	16/10/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24	
171	19	743	LÊ THỊ HIỀN	26/01/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	24,5	
172	19	745	ĐÀO ANH QUANG	11/04/2000	Nam	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	23,9	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
173	19	747	NGUYỄN VĂN ĐẠT	10/04/1999	Nam	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	25,4	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
174	19	748	SÙNG A PÁO	14/02/2000	Nam	Y sinh học TDTT/ Quản lý TDTT	22,7	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT

TT	PT	SBD	HỌ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
175	19	749	BÙI TÚ TÀI	10/08/2001	Nam	Giáo dục thể chất	24	
176	19	752	ĐỒNG THẾ HIỂN	10/09/2001	Nam	Quản lý TDTT	25,4	Không trúng tuyển vào ngành GDTC và HLTT
177			ĐOÀN BÁ TUẤN ANH	11/01/1995	Nam	Huấn luyện thể thao		Tuyển thẳng

(Tổng số 177 thí sinh)